

# KHÁI NIỆM SẢN XUẤT TRONG THỐNG KÊ TÀI KHOẢN QUỐC GIA

Nguyễn Bích Lâm<sup>(\*)</sup>

**K**hái niệm sản xuất theo nghĩa chung nhất phản ánh quá trình con người cải tạo thiên nhiên nhằm mục đích tạo ra điều kiện vật chất cần thiết cho sự sinh tồn của mình. Như vậy, sản xuất là hoạt động tự nhiên vĩnh hằng cho cuộc sống của con người và trong thực tế bao giờ cũng tồn tại một phương thức sản xuất nhất định phù hợp với từng giai đoạn lịch sử. Cùng với sự phát triển của nền sản xuất xã hội, khái niệm sản xuất thay đổi theo thời gian. Các nhà kinh tế đã trình bày các khái niệm khác nhau về sản xuất. Vào thế kỷ thứ XVIII, các nhà kinh tế Pháp theo trường phái Trọng nông mà đại diện là Quesnay, người đầu tiên đưa ra khái niệm sản xuất, cho rằng: “*Sản xuất trước hết phải sáng tạo ra sản phẩm và phải mang lại thu nhập ròng*”. Theo trường phái Trọng nông, chỉ có lao động nông nghiệp mới là lao động sản xuất vì chỉ có ruộng đất mới có thể đem lại thu nhập ròng. Khái niệm sản xuất của trường phái Trọng nông là chưa đầy đủ khi họ quá đề cao vị trí của nông nghiệp trong nền kinh tế. Khái niệm này phù hợp với giai đoạn đầu trong tiến trình phát triển của xã hội. Đó là thời kỳ công xã nguyên thủy, chiếm hữu nô lệ và thời kỳ đầu của xã hội phong kiến.

Adam Smith (1723 - 1790) trong tác phẩm: “*Cửa cải Quốc gia*” xuất bản năm 1784 đã phê phán khái niệm sản xuất của trường phái Trọng nông, ông cho rằng: “*công nghiệp chế biến cũng là ngành sản xuất và hoạt động chế biến thuộc khái niệm*

*sản xuất*”. Tuy vậy, Adam Smith không thừa nhận các hoạt động dịch vụ thuộc khái niệm sản xuất. Khái niệm sản xuất của Adam Smith là cơ sở được dùng trong thống kê vĩ mô của nền kinh tế kế hoạch tập trung tồn tại suốt thập kỷ 40 cho tới đầu những năm 90 của thế kỷ XX.

Các nhà kinh tế học Macxit cho rằng: “*Muốn sản xuất thì con người phải kết hợp thành quan hệ sản xuất*”. Sản xuất gắn bó một cách hữu cơ với phân phối, trao đổi và tiêu dùng sản phẩm đã sản xuất ra. Sản xuất và tiêu dùng là hai giai đoạn khác nhau của quá trình sản xuất nhưng lại gắn với nhau trong đời sống xã hội. Sản xuất gắn với tiêu dùng thông qua việc phân phối sản phẩm được sản xuất ra. Với quan niệm như vậy, khái niệm sản xuất của các nhà kinh tế học Macxit chỉ bao gồm những hoạt động tạo ra của cải vật chất và hoạt động phân phối lưu thông để đưa sản phẩm vật chất từ nơi sản xuất đến nơi tiêu dùng và được thể hiện rõ qua phân loại các ngành kinh tế quốc dân với việc phân định ranh giới giữa lĩnh vực sản xuất vật chất và lĩnh vực không sản xuất. Các ngành sản xuất vật chất bao gồm: công nghiệp, xây dựng, nông nghiệp, lâm nghiệp, vận tải hàng hóa, bưu điện phục vụ các ngành sản xuất vật chất, cung ứng vật tư kỹ thuật thu mua nông sản, thương nghiệp và ăn uống công cộng và các ngành sản xuất vật chất khác. Lĩnh vực không sản xuất bao gồm các ngành dịch vụ như: giáo dục, y tế, thể thao, tài chính, tín dụng và bảo hiểm, nghiên cứu

---

(\*) Viện Khoa học Thống kê

khoa học, v.v. Khái niệm sản xuất của các nhà kinh tế học Macxit có một số hạn chế:

- Đã bỏ qua *tồn tại thực tế khách quan* của các ngành dịch vụ trong nền kinh tế;

- *Cách phân biệt giữa vận tải hàng hóa và vận tải hành khách là không thống nhất về tư duy kinh tế.* Vận tải hàng hóa được tính trong khái niệm sản xuất với lập luận đó là hoạt động vận chuyển hàng hóa từ nơi sản xuất đến nơi tiêu dùng để kết thúc quá trình sản xuất của cái vật chất. Để tiêu dùng hàng hóa vật chất, không nhất thiết chỉ vận chuyển hàng hóa đến nơi tiêu dùng mới kết thúc quá trình sản xuất; vận chuyển hành khách tới nơi khác để tiêu dùng hàng hóa cũng kết thúc quá trình sản xuất. Tương tự như vậy đối với ngành bưu điện phục vụ sản xuất và bưu điện phục vụ đời sống;

- Đã bỏ qua vai trò của các ngành dịch vụ trong nền kinh tế. Đóng góp của các ngành dịch vụ trong nền kinh tế có xu hướng ngày càng tăng. Các nước có nền kinh tế phát triển, các ngành dịch vụ đóng góp trên 60% trong tổng giá trị sản xuất, trong GDP của nền kinh tế;

- Không đảm bảo tính so sánh quốc tế giữa các quốc gia.

Đầu thập kỷ 50 của thế kỷ XX, cơ quan Thống kê Liên Hợp Quốc đã xây dựng Hệ thống tài khoản quốc gia nhằm mô tả, phân tích các hiện tượng kinh tế cơ bản từ sản xuất, tiêu dùng đến tích lũy của cải của nền kinh tế và đáp ứng cho nhu cầu so sánh quốc tế. Trong Hệ thống tài khoản quốc gia, các nhà kinh tế vĩ mô đã đưa ra khái niệm sản xuất được dùng làm cơ sở để áp dụng thống nhất trong thống kê kinh tế của các nước. Tuy vậy trong quá trình áp dụng,

có những quan điểm và cách hiểu không thống nhất về khái niệm này.

Sản xuất theo nghĩa rộng được hiểu là “Hoạt động đặt dưới sự quản lý và chịu trách nhiệm của một đơn vị thể chế trong nền kinh tế, sử dụng các chi phí về lao động, tài sản, hàng hóa và dịch vụ để tạo ra hàng hóa và dịch vụ mới”. Quá trình phát triển tự nhiên, không liên quan trực tiếp hay gián tiếp với con người không phải là hoạt động sản xuất. Nếu chỉ nhìn vào kết quả cuối cùng của hiện tượng sẽ không xác định được kết quả đó do quá trình sản xuất mang lại hay không. Phát triển của rừng tự nhiên không phải là sản xuất, trong khi đó trồng và chăm sóc rừng trồng là hoạt động sản xuất.

Quá trình sản xuất tạo ra hàng hóa vật chất tương đối dễ xác định, trong khi đó không dễ phân biệt hoạt động sản xuất dịch vụ với các hoạt động khác có vai trò quan trọng, có ích đối với con người nhưng lại không thuộc vào khái niệm sản xuất. Những hoạt động thuộc về cá nhân mà người khác không thể làm thay được như: ăn, uống, ngủ, rèn luyện thân thể, v.v... đều không thuộc khái niệm sản xuất.

Để đánh giá đúng, đầy đủ kết quả của tất cả các hoạt động sản xuất trong nền kinh tế, đồng thời đảm bảo tính khả thi trong thực tiễn và khả năng so sánh quốc tế, các nhà thống kê kinh tế đã cụ thể hóa khái niệm sản xuất với phạm vi hẹp hơn khái niệm sản xuất theo nghĩa rộng đã nêu ở trên. Thống kê Tài khoản quốc gia 1993 của Liên Hợp Quốc (SNA) đã đưa ra khái niệm sản xuất như sau: “*Sản xuất là quá trình sử dụng lao động và máy móc thiết bị của các đơn vị thể chế để chuyển những chi phí là vật chất và dịch vụ thành sản phẩm là vật chất và dịch vụ khác. Tất cả*

*hàng hóa và dịch vụ sản xuất ra phải có khả năng bán trên thị trường hay ít ra cũng có khả năng cung cấp cho một đơn vị thể chế khác có thu tiền hoặc không thu tiền*"<sup>(1)</sup>.

Khái niệm sản xuất của SNA khẳng định hai điều. Thứ nhất, sản xuất là quá trình sử dụng lao động và máy móc thiết bị của các đơn vị thể chế để chuyển những chi phí là vật chất và dịch vụ thành sản phẩm là vật chất và dịch vụ khác. Do vậy đã phủ nhận quan niệm cho rằng "*Mọi hoạt động của con người mà tạo ra thu nhập, thì đó là sản xuất*"<sup>(2)</sup>. Sản xuất tạo ra thu nhập nhưng không phải mọi hoạt động tạo ra thu nhập là sản xuất. Một cá nhân hay một đơn vị gửi tiền vào ngân hàng để hưởng lãi hay mua cổ phiếu để nhận cổ tức, hành động này tạo ra thu nhập nhưng không phải là hoạt động sản xuất, lãi tiền gửi ngân hàng và cổ tức là thu nhập do sở hữu tài sản mang lại. Thứ hai, tất cả hàng hóa và dịch vụ sản xuất ra phải có khả năng bán trên thị trường hay ít ra cũng có khả năng cung cấp cho một đơn vị thể chế khác có thu tiền hoặc không thu tiền đã loại các hoạt động tự sản xuất dịch vụ cá nhân và hộ gia đình ra khỏi khái niệm sản xuất. Theo các hoạt động, khái niệm sản xuất của SNA bao gồm:

a. Hoạt động của các đơn vị sản xuất tạo ra hàng hóa và dịch vụ với mục đích cung cấp cho các thực thể khác trong nền kinh tế, gồm cả hoạt động tạo ra hàng hóa và dịch vụ dùng làm chi phí trung gian trong quá trình sản xuất và tự sản xuất hàng hóa được giữ lại để tích lũy của đơn vị;

b. Các hoạt động sản xuất hàng hóa và dịch vụ của Nhà nước;

c. Hoạt động tự sản tự tiêu sản phẩm vật chất của các hộ gia đình;

d. Hoạt động của tổ chức không vì lợi phục vụ cho tiêu dùng cuối cùng của hộ gia đình;

e. Hoạt động tự sản xuất dịch vụ nhà ở (nhà tự có tự ở) và dịch vụ giúp việc cá nhân và hộ gia đình do thuê mướn lao động bên ngoài;

f. Hoạt động *bất hợp pháp* nhưng tạo ra hàng hóa và dịch vụ *hợp pháp* và hoạt động *hợp pháp* nhưng tạo ra hàng hóa và dịch vụ *bất hợp pháp*.

Khái niệm sản xuất *không bao gồm* hoạt động tạo ra dịch vụ để tự tiêu dùng trong nội bộ hộ gia đình như: các thành viên trong hộ gia đình tự nấu nướng chuẩn bị bữa ăn, dạy con cái học tập, quét dọn sắp xếp nhà cửa, v.v.

Với nội hàm và liệt kê cụ thể các hoạt động *thuộc và không thuộc khái niệm sản xuất của SNA*, chúng ta nhận thấy đối với khu vực hộ gia đình cũng là hoạt động tự sản tự tiêu nhưng các hoạt động tạo ra sản phẩm vật chất thì thuộc khái niệm sản xuất, ngược lại các hoạt động tạo ra dịch vụ lại bị loại trừ.

i. *Đối với hoạt động tự sản xuất dịch vụ cá nhân và hộ gia đình*. Nhóm dịch vụ này bao gồm các hoạt động do các thành viên của hộ gia đình thực hiện cho tiêu dùng cuối cùng của hộ và bao gồm các hoạt động sau: dọn vệ sinh, trang trí, duy tu và sửa chữa nhỏ do chủ sở hữu nhà và người thuê nhà thực hiện; lau chùi, sửa chữa đồ dùng lâu bền và các dụng cụ khác, gồm cả ô tô dùng cho mục đích tiêu dùng; chuẩn bị và nấu các bữa ăn; trông nom, phục vụ trẻ em, người ốm, già cả và người cô đơn; đưa đón các thành viên trong gia đình. SNA quy định các hoạt động tự sản xuất dịch vụ cá

nhân và hộ gia đình *không thuộc khái niệm sản xuất* vì những lý do sau:

- Hộ gia đình thường không ghi chép và hạch toán các dịch vụ này khi chúng được tạo ra và tiêu dùng trong cùng hộ gia đình. Nói cách khác, không có tính khả thi trong thống kê nếu quy định đưa các hoạt động này vào khái niệm sản xuất;

- Mặc dù số người sử dụng thời gian để làm các công việc dịch vụ gia đình chiếm tỷ trọng khá lớn và tiêu dùng những dịch vụ này có giá trị kinh tế lớn, nhưng mục đích chính của SNA nhằm phục vụ cho việc lập chính sách và phân tích kinh tế, chứ không chỉ thuần là tính toán các chỉ tiêu phản ánh giá trị kinh tế;

- Tự sản xuất dịch vụ cá nhân và hộ gia đình là hoạt động tự lập, có ảnh hưởng rất ít đối với nền kinh tế. Quyết định sản xuất những dịch vụ này đi cùng với quyết định tiêu dùng. Điều này không đúng với trường hợp tự sản tự tiêu sản phẩm vật chất của hộ gia đình. Chẳng hạn, trong sản xuất nông nghiệp, hộ gia đình thường không dự định tiêu dùng toàn bộ nông sản được tạo ra. Nếu mùa màng bội thu và sau khi thu hoạch xong, hộ gia đình sẽ quyết định bao nhiêu sản lượng dành cho tiêu dùng hiện tại, bao nhiêu dự trữ cho tiêu dùng và sản xuất trong vụ tới, phần sản lượng còn lại dùng để bán hoặc trao đổi trên thị trường. Do quen gọi là hoạt động tự sản tự tiêu nhưng người sản xuất không thể quyết định bao nhiêu sản phẩm dành cho tiêu dùng tại thời điểm sản xuất đang diễn ra. Chẳng hạn, lúc đầu hộ gia đình dự định toàn bộ sản phẩm trồng trọt thu được sẽ dành cho tiêu dùng, nhưng khi mùa màng tốt hơn so với dự kiến, người nông dân sẽ bán sản phẩm thừa trên thị trường;

- Tự sản xuất dịch vụ cá nhân và hộ gia đình với mục đích không bán trên thị trường nên không có giá thị trường phù hợp để xác định giá trị của những dịch vụ này. Vì vậy không chỉ rất khó để xác định giá trị sản xuất của những loại dịch vụ này mà còn liên quan tới việc xác định thu nhập và chi tiêu của hộ gia đình khi biên soạn các tài khoản khác trong SNA;

- Không thể gán giá trị của dịch vụ cùng loại trên thị trường cho hoạt động tự sản xuất dịch vụ cá nhân và hộ gia đình vì giá trị gán cho này có ý nghĩa kinh tế hoàn toàn khác với giá trị tiền tệ thực tế nhận được nếu cung cấp những dịch vụ cùng loại cho bên ngoài. Nếu gán giá trị của hoạt động tự sản xuất dịch vụ cá nhân và hộ gia đình thì cũng phải gán giá trị thu nhập do hoạt động này mang lại cho hộ và khi đó gây khó khăn cho việc thực hiện nghĩa vụ thuế trong thực tế. Toàn bộ thu nhập do hoạt động tự sản xuất dịch vụ cá nhân và hộ gia đình được tiêu dùng hết, điều này hoàn toàn khác nếu thu nhập được nhận bằng tiền. Chẳng hạn nếu thành viên của hộ gia đình đứng trước hai lựa chọn: làm dịch vụ cho chính hộ gia đình của họ hoặc làm chính dịch vụ đó cho hộ gia đình khác và được trả thù lao bằng tiền. Dịch vụ được trả thù lao sẽ được chọn vì khi có thu nhập bằng tiền, hộ gia đình có nhiều sự lựa chọn hơn cho tiêu dùng của hộ. Do vậy, gán giá trị cho hoạt động tự sản xuất dịch vụ cá nhân và hộ gia đình không chỉ khó thực hiện mà còn tạo ra giá trị không đồng nhất với giá trị tiền tệ dùng cho mục đích lập chính sách và phân tích kinh tế.

ii. *Đối với hoạt động tự sản xuất dịch vụ nhà ở*. Thực tế tại các nước phát triển, phần lớn người dân đi thuê nhà để ở, ngược lại tại các nước đang phát triển người dân có nhà riêng chiếm đa số mặc

dù giá trị và trang thiết bị trong nhà không thể so với các nước phát triển. Tỷ lệ giữa hộ có nhà để ở và hộ đi thuê nhà khác nhau giữa các nước và tỷ lệ này thay đổi rất nhanh trong từng quốc gia. Hoạt động thuê nhà để ở thuộc khái niệm sản xuất, được tính vào giá trị sản xuất và GDP, vì vậy để đảm bảo tính so sánh quốc tế, so sánh giữa các vùng trong cùng một quốc gia, hoạt động tự sản xuất dịch vụ nhà ở được quy định thuộc khái niệm sản xuất.

iii. *Hoạt động tự sản xuất sản phẩm vật chất cho tiêu dùng của hộ gia đình.* Trong SNA, tất cả các hoạt động tự sản xuất sản phẩm vật chất của hộ gia đình đều thuộc khái niệm sản xuất mặc dù tại thời điểm sản xuất hộ gia đình chưa có quyết định bán hoặc bán với số lượng bao nhiêu sản phẩm của họ trên thị trường. Rất khó liệt kê đầy đủ và toàn diện những hoạt động của hộ gia đình thuộc vào khái niệm sản xuất. Tuy vậy, *SNA quy định khi lượng sản phẩm do hộ gia đình tạo ra chiếm tỷ lệ khá quan trọng trong tổng cung của loại sản phẩm đó trong nền kinh tế thì phải hạch toán và tính vào giá trị sản xuất của ngành tương ứng.*

iv. *Hoạt động bất hợp pháp.* Trong thực tế mặc dù rất khó thu thập được thông tin của hoạt động sản xuất bất hợp pháp nhưng khái niệm sản xuất trong SNA vẫn bao gồm các hoạt động này vì chúng luôn tồn tại trong nền kinh tế, vẫn tạo ra hàng hóa, dịch vụ và thu nhập. Nếu không bao gồm hoạt động bất hợp pháp trong khái niệm sản xuất, khi đó phạm vi tính chỉ tiêu giá trị sản xuất và GDP sẽ bị thiếu và dẫn tới chênh lệch giữa bên nguồn và bên sử dụng hàng hóa và dịch vụ của nền kinh tế. Hoạt động sản xuất bất hợp pháp được chia thành hai loại: hoạt động của những người sản xuất hợp pháp nhưng hàng hóa và dịch vụ sản xuất ra là bất hợp pháp vì

luật pháp cấm; loại hoạt động sản xuất hợp pháp nhưng do những người bất hợp pháp thực hiện.

Khái niệm sản xuất của TCTK đang sử dụng có một điểm không giống với khái niệm sản xuất của SNA. TCTK quy định khái niệm sản xuất không bao gồm các hoạt động bất hợp pháp bị cấm trong Hiến pháp và các bộ luật hiện hành như: buôn lậu ma túy, hoạt động mại dâm, hoạt động mê tín dị đoan<sup>(3)</sup>. Chia sẻ quy định này, một số nhà thống kê kinh tế Việt Nam đề cập khái niệm sản xuất như sau: “Sản xuất là mọi hoạt động của con người, với tư cách là cá nhân hay một tổ chức bằng năng lực quản lý của mình, cùng với các yếu tố về đất đai và vốn sản xuất ra những sản phẩm là vật chất và sản phẩm là dịch vụ hữu ích và có hiệu quả nhằm thỏa mãn nhu cầu sử dụng cho sản xuất, sử dụng để phục vụ cho nhu cầu tiêu dùng cuối cùng cho đời sống sinh hoạt của dân cư và xã hội, xuất khẩu ra nước ngoài, cho tích lũy để mở rộng sản xuất và đời sống. Quá trình trên tồn tại và vận động khách quan không ngừng được lặp đi lặp lại trong năm. Tuy nhiên, những hoạt động của con người trong một số trường hợp sau không thuộc phạm trù sản xuất: (i) Những hoạt động tự phục vụ cho mình không tạo ra thu nhập như: ăn uống, ngủ, tự tắm rửa và phục vụ cho bản thân mình; (ii) Những hoạt động nội trợ của gia đình; (iii) Những hoạt động sản xuất và dịch vụ quốc cấm”<sup>(4)</sup>.

Qua phản ánh nội dung khái niệm sản xuất của SNA, chúng tôi có một số quan điểm sau:

- Nhất trí với luận giải lý do không bao gồm hoạt động tự sản xuất dịch vụ cá nhân và hộ gia đình trong khái niệm sản xuất của SNA;



- Quy định hoạt động tự sản xuất dịch vụ nhà ở thuộc khái niệm sản xuất là không thỏa đáng vì dường như thống kê Liên Hợp Quốc quy định điều này chủ yếu để đáp ứng yêu cầu so sánh quốc tế giữa các quốc gia. Về bản chất hoạt động tự sản xuất dịch vụ nhà ở cũng giống như hoạt động tự sản xuất dịch vụ cá nhân và hộ gia đình. Các luận giải để loại trừ hoạt động tự sản xuất dịch vụ cá nhân và hộ gia đình ra khỏi khái niệm sản xuất cũng đúng với trường hợp của hoạt động tự sản xuất dịch vụ nhà ở. Chúng tôi đề nghị không nên đưa hoạt động tự sản xuất dịch vụ nhà ở vào khái niệm sản xuất.

- Khái niệm sản xuất của TCTK không bao gồm các hoạt động bất hợp pháp bị cấm trong hiến pháp là không hợp lý vì đã phủ nhận thực tế tồn tại của hoạt động bất hợp pháp trong nền kinh tế, trong khi có một bộ phận lao động vẫn đang tham gia vào hoạt động này, tạo ra sản phẩm hàng hóa và dịch vụ, tạo ra thu nhập và họ đã sử dụng thu nhập này vào tiêu dùng cuối cùng, vào đầu tư tích lũy trong sản xuất. Khi tính GDP theo phương pháp sử dụng, TCTK đã tính cả tiêu dùng và tích lũy của một bộ phận dân cư có thu nhập từ các hoạt động bất hợp pháp, nhưng theo phương pháp sản xuất TCTK lại không tính kết quả của loại hoạt động sản xuất này. Như vậy, khái niệm sản xuất của TCTK đã dẫn đến sự không thống nhất về nội dung tính GDP theo hai phương pháp và không đảm bảo tính so sánh quốc tế.

- Do vậy trong khái niệm sản xuất của thống kê Việt Nam chúng tôi đề nghị nên bao gồm cả hoạt động sản xuất bất hợp pháp.

Với những luận giải về nội dung khái niệm sản xuất của SNA và quy định về nội dung khái niệm sản xuất của TCTK, chúng tôi đề xuất khái niệm sản xuất như sau: “Sản xuất là quá trình con người chủ động sử dụng khả năng lao động, tri thức, máy móc thiết bị để chuyển những chi phí vật chất và dịch vụ thành sản phẩm vật chất và dịch vụ mới. Tất cả những hàng hóa và dịch vụ sản xuất ra phải có khả năng bán, trao đổi trên thị trường hoặc cung cấp cho các thực thể khác trong nền kinh tế nhằm đáp ứng nhu cầu sản xuất, xuất khẩu, tích lũy tái sản xuất mở rộng và tiêu dùng cuối cùng của toàn xã hội. Sản xuất là quá trình lặp đi lặp lại không ngừng, là hoạt động tự nhiên, vĩnh hằng của con người bao gồm cả những hoạt động đang tồn tại khách quan trong cuộc sống cho dù hoạt động đó có được pháp luật thừa nhận hay không. Tuy nhiên hoạt động của con người trong ba trường hợp sau không phải là sản xuất: (i) Hoạt động mà người khác không thể làm thay được như: ăn uống, ngủ, thưởng thức sản phẩm vật chất và tinh thần, v.v; (ii) Hoạt động tự sản xuất dịch vụ cá nhân và hộ gia đình như: chuẩn bị các bữa ăn, nuôi dạy con cái, thu dọn vệ sinh, trang trí nhà cửa, v.v; (iii) Hoạt động tự sản xuất dịch vụ nhà ở”.

---

(1) Mục 1.20 Tài khoản quốc gia 1993.

(2) Phạm Đình Hàn (1998), “100 câu hỏi và giải đáp về Hệ thống tài khoản quốc gia”, Nhà xuất bản Thống kê, trang 16.

(3) Mục 3.5 Phương pháp biên soạn Hệ thống tài khoản quốc gia ở Việt Nam, Nhà xuất bản Thống kê, Hà Nội-2003

(4) GS.TSKH Trần Văn Thọ (chủ biên), TS. Nguyễn Ngọc Đức, TS. Nguyễn Văn Chính, TS.

Nguyễn Quán Kinh tế Việt Nam 1955-2000 ,  
trang 50. Nhà xuất bản thống kê, Hà nội, 12-  
2000.

Tài liệu tham khảo

1. System of National Accounts 1993;
2. Tổng cục Thống kê, Phương pháp biên  
soạn hệ thống tài khoản quốc gia ở Việt Nam;  
Nhà xuất bản Thống kê, Hà Nội - 2003;

3. Từ điển triết học, Nhà xuất bản Tiến bộ  
Mát -xơ -va;

4. Bộ Giáo dục và Đào tạo, Giáo trình Kinh  
tế chính trị Mác-Lênin, Nhà xuất bản Chính trị  
quốc gia, Hà Nội - 2003;

5. GS.TSKH Trần Văn Thọ (chủ biên), TS.  
Nguyễn Ngọc Đức, TS. Nguyễn Văn Chính, TS.  
Nguyễn Quán, Kinh tế Việt Nam 1955-2000.  
Nhà xuất bản Thống kê, Hà nội -2000.